

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 38/2026/DS-ST
Ngày 12-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý;

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1055/2025/DS-ST ngày 25/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam); trụ sở: Số I, đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Pháp nhân đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty L1; địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà số G, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là pháp nhân đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025).

Người đại diện hợp pháp của Công ty L1 Niềm Tin: Bà Phan Tuyết L, sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: P, tầng D, Tòa nhà số G, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2025). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Châu Minh N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số A, C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2025, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) là bà Phan Tuyết L trình bày:

Ngày 10/8/2024, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 5741550 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Châu Minh N với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng (Trong đó khoản vay 30.000.000 đồng và bảo hiểm 2.310.000 đồng) với lãi suất vay 46%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho ông Châu Minh N. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Châu Minh N có nghĩa vụ thanh toán trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày bắt đầu thanh toán 15/9/2024 đến ngày 15/8/2026. Sau khi được giải ngân, ông Châu Minh N đã thanh toán được tổng số tiền là 10.477.655 đồng (05 kỳ), trong đó tiền gốc đã trả là 4.381.134 đồng, tiền lãi đã trả là 6.036.521 đồng và phí thu hộ 60.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 16/01/2025, ông Châu Minh N đã không thanh toán theo nghĩa vụ khoản vay theo hợp đồng. Do đó, kể từ ngày 15/02/2025, Công ty bắt đầu chuyển nợ quá hạn từng kỳ thanh toán mà ông Châu Minh N vi phạm. Do đó, Công ty T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên buộc ông Châu Minh N thanh toán cho Công ty T tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/02/2026 là: 43.543.296 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc chưa thanh toán: 27.928.866 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 9.895.945 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 5.140.934 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 577.551 đồng.

Buộc ông Châu Minh N phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 10/02/2026 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Châu Minh N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu gì đối với vụ án.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Châu Minh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty T (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Châu Minh N, bị đơn ông N có nơi cư trú tại phường C, Thành

phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn ông Châu Minh N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên toà lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ông N cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 5741550 ngày 10/8/2024 giữa Công ty T và ông Châu Minh N thể hiện Công ty T đã cấp tín dụng cho ông N với tổng giá trị là 32.310.000 đồng (trong đó có phí bảo hiểm 2.310.000 đồng) lãi suất 46%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T đã giải ngân theo đúng thỏa thuận của hợp đồng. Thực hiện hợp đồng, ông Châu Minh N đã thanh toán được 05 kỳ với tổng số tiền là 10.477.655 đồng và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 16/01/2025 cho đến nay.

Tính đến ngày 09/02/2026, ông Châu Minh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ Công ty T tổng số tiền là: 43.543.296 đồng. Trong đó: số dư nợ gốc là: 27.928.866 đồng; số tiền lãi trong hạn: 9.895.945 đồng gồm tiền lãi quá hạn: 5.140.934 đồng và tiền lãi chậm trả: 577.551 đồng. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu ông Châu Minh N phải thanh toán số tiền gốc và lãi như trên là đúng thỏa thuận tại Mục 3.7 của Hợp đồng tín dụng ngày 10/8/2024, phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 184, 227, 228, 229, 235, 254, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) đối với bị đơn ông Châu Minh N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Châu Minh N phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5741550 ngày 10/8/2024, tính đến ngày 09/02/2026, gồm:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 27.928.866 đồng;

Số tiền lãi trong hạn: 9.895.945 đồng;

Số tiền lãi quá hạn: 5.140.934 đồng;

Số tiền lãi chậm trả: 577.551 đồng.

Tổng số tiền là: 43.543.296 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 10/02/2026, ông Châu Minh N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5741550 ngày 10/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Châu Minh N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.177.165 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 941.000 đồng (chín trăm bốn mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0048117 ngày 10/12/2025 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Duy Nhân